

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 454/2023/DS-ST  
Ngày: 18-8-2023  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Trần Thị Nga
- Bà Lê Thị Hoàng Liễu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 02/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 22/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2023, Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 15/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2023, Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số: 07/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2023, Thông báo về thời gian tiếp tục phiên tòa xét xử ngày 22 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 276/2023/QĐST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà **Thái Ngọc Đ**, sinh năm: 1959 (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

**2. Bị đơn:**

**2.1. Ông Phan Tấn G**, sinh năm: 1966 (chết ngày 04/12/2021)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Tấn G:

2.1.1. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1955 (vắng mặt)

2.1.2. Ông **Phan Tấn M**, sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Ông G, bà T và ông M cùng địa chỉ: ấp X, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1.3. Bà **Phan Thị Thanh H**, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1955 (vắng mặt)

2.3. Ông **Phan Tấn M**, sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Bà T và ông M cùng địa chỉ: ấp X, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Thanh S**, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Tổ S, ấp N, xã P, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 9 năm 2020, bản tự khai ngày 18 tháng 01 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thái Ngọc Đ trình bày:*

Vào ngày 26/6/2019, ông Phan Tấn G, bà Nguyễn Thị T và ông Phan Tấn M có đến nhà bà vay số tiền 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) để làm ăn, lãi suất cam kết là 3%/tháng, trả lãi vào ngày 26 hàng tháng. Ngày 26/7/2019, bà T, ông G và ông M đã trả cho bà một tháng tiền lãi là 8.000.000đ (Tám triệu đồng) và hứa với bà tháng sau sẽ trả hết tiền gốc và tiền lãi nhưng sau đó ông G, bà T và ông M không thực hiện việc trả tiền như đã hứa. Đến hạn trả nợ, bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà T, ông G và ông M không trả tiền cho bà mà hẹn lại nhiều lần.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T và ông Phan Tấn M trả cho bà số tiền gốc 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ tháng 8/2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 3%/tháng, tiền lãi tạm tính đến tháng 26/11/2022 (39 tháng) là 315.900.000đ (Ba trăm mười lăm triệu, chín trăm nghìn đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 585.900.000đ (Năm trăm tám mươi lăm triệu, chín trăm nghìn đồng).

Bà xác định chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Phan Tấn M trả nợ, không yêu cầu khác trả nợ cho bà đồng thời xác định số tiền mà bà cho bà Nguyễn Thị T, ông Phan Tấn G và ông Phan Tấn M vay là tài sản riêng của bà.

Tại phiên tòa, bà Thái Ngọc Đ xác định lại yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà yêu cầu bà T và ông M trả nợ gốc là 266.000.000đ (Hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 27/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (48 tháng 22 ngày, làm tròn là 48 tháng) với mức lãi suất là 20%/năm, tổng cộng tiền lãi là 211.920.000đ (Hai trăm mười một triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng).

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 3 năm 2021, bị đơn ông Phan Tấn G trình bày:*

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị T, việc vợ ông vay tiền của bà Thái Ngọc Đ và góp hụi với bà Đ thì ông không biết và cũng không có liên quan gì. Khoảng tháng 3 năm 2020 bà Đ kéo xã hội đen tới nhà ông, ép ông cùng vợ và con trai là ông Phan Tấn M ký vay số tiền 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), lúc đó do hoảng sợ nên ông cùng vợ con đã đồng ý ký vào giấy vay nợ. Nay bà Đ yêu cầu ông cùng vợ và con ông trả số tiền 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) cùng tiền lãi 105.300.000đ (Một trăm lẻ năm triệu, ba trăm nghìn đồng), tổng cộng 375.300.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm nghìn đồng) thì ông không đồng ý. Ngoài ra ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 3 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Tấn G – Bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Khoảng tháng 6/2016 bà có ký giấy tay vay tiền của bà Thái Ngọc Đ với số tiền là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng). Sau đó bà có nhờ con trai bà là ông Phan Tấn M vay dùm bà số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Sau đó bà và ông M có tham gia góp hụi với bà Đ với tổng số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Bà Đ đã trừ tiền nợ hết khoảng 38.000.000đ (Ba mươi tám triệu đồng). Sau đó bà không còn khả năng đóng hụi nữa nhưng bà Đ vẫn tiếp tục yêu cầu bà trả tiền. Khoảng tháng 3/2020 bà Đ kéo xã hội đen tới nhà bà ép bà cùng chồng là ông Phan Tấn G và con trai là ông Phan Tấn M ký vay số tiền 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), do hoảng sợ nên bà cùng chồng và con đã ký vào giấy vay nợ. Bà xác định số tiền bà nợ bà Đ tổng cộng bao gồm các khoản sau:

Tiền nợ hụi: 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng)

Tiền nợ vay: 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng).

Tổng cộng: 138.000.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu đồng).

Các khoản nợ trên đều không lập giấy tờ. Sau đó bà có trả cho bà Đ số tiền 24.500.000đ (Hai mươi bốn triệu, năm trăm nghìn đồng), việc trả tiền cũng không lập biên bản giao nhận. Đến nay bà xác định còn nợ bà Đ số tiền gốc là 113.500.000đ (Một trăm mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng). Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bà xin trả dần hàng tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Đối với số tiền lãi thì bà đồng ý trả theo quy định pháp luật. Bà xác định số tiền bà vay của bà Đ là nợ cá nhân của bà, ông Phan Tấn G và ông Phan Tấn M, bà Phan Thị Thanh H không có liên quan gì trong vụ án này, bà đồng ý cá nhân bà trả nợ cho bà Đ.

Chồng bà là ông Phan Tấn G (chết ngày 04/12/2021) có hàng thừa kế thứ nhất gồm:

Cha: Phan Văn M (đã chết)

Mẹ: Nguyễn Thị L (đã chết)

Con đẻ: Phan Tấn M và Phan Thị Thanh H. Ngoài ra ông Phan Tấn G không có cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi nào khác.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 3 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Tấn G – Ông Phan Tấn M trình bày:*

Ông là con của bà Nguyễn Thị T và ông Phan Tấn G. Ông xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Tấn G như bà T trình bày. Trước đây ông có nhận tiền hui thay cho mẹ với số tiền là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng), ông không tham gia đóng tiền hui cho bà Đ và cũng không biết bà T góp hui cho bà Đ bao nhiêu tiền. Khoảng tháng 3/2020 bà Đ kéo xã hội đen đến nhà ép ông cùng mẹ là bà T và cha là ông G ký tên vào giấy vay 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), lúc đó do hoảng sợ nên ông cùng cha và mẹ đã đồng ý ký tên vào giấy vay nợ. Ông không biết mẹ ông vay của bà Đ bao nhiêu tiền, ông không liên quan gì đến số tiền vay và tiền góp hui của mẹ ông. Do đó, ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Đ về việc yêu cầu ông cùng mẹ ông trả tiền cho bà Đ.

*Tại Bản tự khai ngày 17 tháng 8 năm 2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Nguyễn Thanh S trình bày:*

Vào ngày 26/6/2019 ông Phan Tấn G, bà Nguyễn Thị T và ông Phan Tấn M hỏi vay tiền của mẹ tôi là bà Thái Ngọc Đ với số tiền là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng). Bà T, ông G đã hứa với bà Đ là trong vòng một tháng sẽ bán đất trả hết số tiền vay gồm tiền gốc và lãi đầy đủ. Tôi chỉ là người viết giấy vay tiền ngày 26/6/2019 dùm cho mẹ tôi do mẹ tôi không biết chữ. Tôi xác nhận số tiền bà Đ cho gia đình bà T vay là tài sản riêng của mẹ tôi. Do đó, tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Thanh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án với đề xuất Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thái Ngọc Đ. Buộc bà Nguyễn Thị T trả cho bà Đ số tiền nợ gốc là 266.000.000đ và tiền lãi 211.920.000đ. Không chấp nhận yêu cầu của bà Thái Ngọc Đ buộc ông Phan Tấn M có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho à Điện số tiền nợ gốc là 266.000.000đ và tiền lãi 211.920.00đ. Về án phí: đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Thái Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu ông Phan Tấn G, bà Nguyễn Thị T và ông Phan Tấn M trả nợ theo giấy vay nợ, đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Phan Tấn G, bà Nguyễn Thị T và ông Phan Tấn M có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Phan Tấn M đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Tấn G, bà Phan Thị Thanh H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Tấn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào năm 2019 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Về hình thức hợp đồng: Tại Giấy vay nợ đề ngày 26/6/2019 thể hiện nội dung vay tiền giữa bà Thái Ngọc Đ với ông Phan Tấn M, bà Nguyễn Thị T và ông Phan Tấn G. Xét đây là hợp đồng vay tài sản có hình thức phù hợp với quy định tại Điều 385 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Xét yêu cầu của đương sự: Tại phiên tòa, bà Thái Ngọc Đ xác định bà yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Phan Tấn M trả cho bà Đ số tiền nợ gốc là 266.000.000đ (Hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 27/7/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (48 tháng 22 ngày làm tròn là 48 tháng) với mức lãi suất 20%/năm, tổng cộng tiền lãi là 211.920.000đ (Hai trăm mười một triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và lãi là 477.920.000 (Bốn trăm bảy mươi bảy triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng).

[6] Xét chữ ký của bà Nguyễn Thị T tại Giấy vay nợ ngày 26/6/2019: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 06/4/2023, bà Nguyễn Thị T khẳng định chữ ký và chữ viết trong Giấy vay nợ ngày 26/6/2019 do bà Đ giao nộp cho Tòa án không phải chữ ký, chữ viết của bà. Tuy nhiên, căn cứ Kết luận giám định số 4122/KL-KTHS ngày 22/5/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp như sau: *“Chữ ký dạng chữ viết tên “Tuyết”, chữ viết họ tên Nguyễn Thị T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (đã nêu ở mục I.1) so với chữ viết của Nguyễn Thị T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 (đã nêu ở mục I.2) do cùng một người viết ra”*.

[7] Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định chữ ký dạng viết “Tuyết” và chữ viết họ tên “Nguyễn Thị T” tại Giấy vay nợ ngày 26/6/2019 là của bà Nguyễn Thị T cho nên giấy vay nợ phát sinh hiệu lực đối với bà T, bà phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với bà Đ như nội dung thỏa thuận trong giấy vay nợ đề ngày 26/6/2019.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T trình bày bà có góp hụi với bà Đ, số tiền nợ hụi và nợ vay nhiều lần tổng cộng là 143.000.000đ (Một trăm bốn mươi ba triệu đồng), bà đã trả cho bà Đ số tiền 24.500.000đ (Hai mươi bốn triệu, năm trăm nghìn đồng), còn nợ bà Đ số tiền 113.500.000đ (Một trăm mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, bà T xác nhận việc góp hụi, vay tiền, trả tiền nhiều lần trước đó đều không có viết giấy và bà cũng không cung cấp được tài liệu, chứng minh cho lời trình bày của bà nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Vì vậy, bà T phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ và Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Tại biên bản ghi nhận sự việc ngày 11/11/2022, bà T xác nhận bà biết đọc, biết viết chữ căn bản. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T trình bày bà không đọc nội dung giấy vay nợ ngày 26/6/2019 mà bị ép buộc ký tên vào giấy vay nợ nhưng sau đó bà không có trình báo chính quyền địa phương với lý do là bà nhận thấy do bà thiếu nợ thời gian dài, việc vay nợ giấu chồng nếu báo công an thì mất lòng chị em hàng xóm. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc bà T cho rằng bà bị ép buộc ký tên vào giấy vay nợ nhưng sau đó không đến trình báo cơ quan chức năng xử lý trường hợp của bà là bà đã tự bỏ mặc quyền lợi của chính mình. Đồng thời bà cũng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của bà. Chính vì vậy, bà T phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ bảo vệ quyền lợi của mình. Do đó, bà Đ yêu cầu bà T trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

[10] Xét chữ ký, chữ viết của ông Phan Tấn M: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Tấn M khẳng định ông M không biết đọc, không biết viết chữ. Ông M trình bày chữ ký “MINH” và chữ viết ghi họ tên “Phan Tấn M” trong Giấy vay nợ ngày 26/6/2019 là do ông Nguyễn Thanh S (con của bà Thái Ngọc Đ) cầm tay ông viết, ông không biết nội dung trong Giấy vay nợ ngày 26/6/2019. Còn ông Nguyễn Thanh S trình bày chữ ký của ông Phan Tấn M là do bà Nguyễn Thị T ghi vào giấy nháp sau đó ông M nhìn và viết lại vào giấy vay nợ ngày 26/6/2019. Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù có sự mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự nhưng đều chứng minh rằng chữ ký “MINH” và dòng chữ ghi họ tên “Phan Tấn M” trong giấy vay nợ ngày 26/6/2019 đều không do ông M tự ký.

[11] Căn cứ Công văn số 1398/UBND ngày 24/4/2023 của Ủy ban nhân dân xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thông tin như sau:

*“Theo biên bản xác minh ngày 15/4/2023 giữa cán bộ chuyên trách phổ cập giáo dục với Trưởng ấp thì ông Phan Tấn M, sinh năm 1986; địa chỉ: D22/52 ấp 4, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh không biết đọc, không biết viết chữ.*

*Theo Công văn số 108/THHL ngày 20/4/2023 của Trường Tiểu học Hưng Long về phúc đáp xác minh việc học tập của ông Phan Tấn M có nội dung: “Nhà trường không nắm thông tin học tập của ông Phan Tấn M học tập vào năm học 1992-1993”.*

[12] Ngoài ra, nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ông Phan Tấn M biết đọc, biết viết chữ. Từ những cơ sở nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông Phan Tấn M không biết đọc, không biết viết chữ. Tại Giấy vay nợ ngày 26/6/2019 không có người chứng kiến việc ông M ký tên cũng như ông M không có điểm chỉ vào giấy vay nợ trong khi ông M là người không biết đọc, không biết viết chữ cho nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xác chữ ký “MINH” và dòng chữ viết ghi họ tên “Phan Tấn M” xuất phát từ ý chí tự nguyện của ông M. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015, giấy vay nợ ngày 26/6/2019 không làm phát sinh hiệu lực đối với ông Phan Tấn M do đó ông M không quyền và nghĩa vụ đối với bà Đ. Vì vậy, bà Đ yêu cầu ông M trả nợ là không có cơ sở chấp nhận.

[13] Tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2021, ông Phan Tấn G trình bày ông không biết và ông không có liên quan gì đến việc bà T góp hội, vay tiền của bà Đ, ông cũng thừa nhận do ông bị ép buộc nên đã đồng ý ký tên vào Giấy vay nợ số tiền 270.000.000đ. Ông không đồng ý trả tiền cho bà Đ. Theo kết quả xác minh thì người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Tấn G gồm: Bà Nguyễn Thị T, ông Phan Tấn M và bà Phan Thị Thanh H. Tại phiên tòa, bà Đ xác định do ông Phan Tấn G đã chết nên bà chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Phan Tấn M trả nợ cho bà, bà không yêu cầu ai khác trả nợ. Xét đây là ý chí tự nguyện của bà Đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[14] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã trả xong phần lãi cho bà Đ, đối với phần nợ gốc thì đến nay bà T vẫn chưa trả cho bà Đ. Mặc dù bà Đ đã nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T không thực hiện. Như vậy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên bà Đ yêu cầu bà T trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

[15] Về tiền lãi: Tại Giấy vay nợ ngày 26/6/2019, các bên thỏa thuận lãi suất là 3%, thời hạn vay: 01 tháng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì lãi suất các bên thỏa thuận vượt quá mức lãi suất quy định nên mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

[16] Tại phiên tòa, bà Đ xác nhận bà T đã trả cho bà số tiền lãi là 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Do mức lãi suất thỏa thuận vượt mức quy định nên số tiền lãi đáng lẽ bà T chỉ phải trả là  $270.000.000đ \times 1,67\% \times 01 \text{ tháng} = 4.509.000đ$  (Bốn triệu, năm trăm lẻ chín nghìn đồng). Số tiền lãi bà T đã trả dư là  $8.000.000đ - 4.509.000đ = 3.491.000đ$  (Ba triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn đồng).

[17] Căn cứ Điều 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì số tiền lãi đã trả vượt mức lãi suất quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi. Do đó, số tiền lãi mà bà T đã trả vượt mức lãi suất quy định là 3.491.000đ được trừ vào số tiền nợ gốc 270.000.000đ. Như vậy, số tiền nợ gốc còn lại bà T phải trả cho bà Đ là 266.509.000đ (Hai trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm lẻ chín nghìn đồng). Tại phiên tòa, bà Đ chỉ yêu cầu bà T, ông M trả số nợ gốc là 266.000.000đ (Hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng), xét đây là sự tự nguyện của bà Đ và có lợi cho bị đơn

nên được Hội đồng xét xử chấp nhận về số nợ gốc. Theo thỏa thuận tại Giấy vay nợ ngày 26/6/2019 thời hạn vay là 01 tháng nhưng đến nay bà T chưa trả nợ gốc cho bà Đ, do đó từ ngày 27/7/2019 khoản nợ gốc chuyển thành nợ gốc quá hạn.

[18] Tại phiên tòa, bà Đ xác định lại bà yêu cầu bị đơn trả lãi theo quy định pháp luật, cụ thể bà Đ yêu cầu bà T, ông M trả lãi tính từ ngày 27/7/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (48 tháng 22 ngày làm tròn là 48 tháng) với mức lãi suất là 20%/năm, tổng cộng tiền lãi 211.920.000đ (Hai trăm mười một triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng) là có lợi cho bị đơn và phù hợp quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[19] Bà Nguyễn Thị T khẳng định ông M không góp hụi hay vay mượn tiền của bà Đ, bà T chỉ có nhờ ông M đi vay dùm bà và góp hụi dùm bà. Toàn bộ số tiền bà T nợ bà Đ là nợ của các nhân bà T, cá nhân bà sẽ trả nợ cho bà Đ, bà không yêu cầu ai khác cùng bà trả nợ cho bà Đ. Do hoàn cảnh khó khăn, bà T yêu cầu được trả dần số tiền nợ.

[20] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho bà Thái Ngọc Đ số tiền nợ gốc là 266.000.00đ (Hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi là 211.920.000đ (Hai trăm mười một triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 477.920.000 (Bốn trăm bảy mươi bảy triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng).

[21] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thái Ngọc Đ về việc yêu cầu ông Phan Tấn M liên đới cùng bà Nguyễn Thị T trả nợ cho bà Đ.

[22] Về chi phí giám định: Do kết luận giám định chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên bị đơn phải hoàn trả cho bà Thái Ngọc Đ số tiền chi phí giám định là 5.100.000đ (Năm triệu, một trăm nghìn đồng) theo Phiếu thu ngày 22/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

[23] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 6 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1 thì bà T được miễn án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 74, Điều 91, Điều 147, Điều 159, Điều 160, Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 117, 357, 401, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Ngọc Đ với bị đơn ông Phan Tấn G (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm bà Nguyễn Thị T, ông Phan Tấn M và bà Phan Thị Thanh H), bà Nguyễn Thị T, ông Phan Tấn M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho bà Thái Ngọc Đ số tiền nợ gốc là 266.000.000đ (Hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi là 211.920.000đ (Hai trăm mười một triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và lãi là 477.920.000 (Bốn trăm bảy mươi bảy triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Các bên giao nhận tiền tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Thái Ngọc Đ cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thái Ngọc Đ về việc yêu cầu bà ông Phan Tấn M liên đới cùng bà Nguyễn Thị T trả cho bà Thái Ngọc Đ số tiền nợ gốc là 266.000.000đ (Hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi là 211.920.000đ (Hai trăm mười một triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 477.920.000 (Bốn trăm bảy mươi bảy triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng).

2. Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm hoàn trả cho bà Thái Ngọc Đ số tiền chi phí giám định là 5.100.000đ (Năm triệu, một trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Bình Chánh;
- Chi cục THADS H.Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Kim Tuyền**